

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1  
TRƯỜNG TIỂU HỌC  
NGUYỄN THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 1, ngày 05 tháng 9 năm 2023

### THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022 - 2023

Đơn vị: học sinh

| STT | Nội dung                                           | Tổng số | Chia ra theo khối lớp |             |             |             |             |
|-----|----------------------------------------------------|---------|-----------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
|     |                                                    |         | Lớp 1                 | Lớp 2       | Lớp 3       | Lớp 4       | Lớp 5       |
| I   | Tổng số học sinh                                   | 860     | 131                   | 137         | 168         | 195         | 229         |
| II  | Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số) | 100%    | 100%                  | 100%        | 100%        | 100%        | 100%        |
| III | Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất          | 860     | 131                   | 137         | 168         | 195         | 229         |
|     | Năng lực                                           |         | 131                   | 137         | 168         | 195         | 229         |
| 1   | Tốt (tỷ lệ so với tổng số)                         |         | 111 (84.7%)           | 134 (97.8%) | 152 (90.5%) | 192 (98.5%) | 227 (99.1%) |
| 2   | Đạt (tỷ lệ so với tổng số)                         |         | 20 (15.3%)            | 3 (2.2%)    | 16 (9.5%)   | 3 (1.5%)    | 2 (0.9%)    |
| 3   | Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)                 |         |                       |             |             |             |             |
|     | Phẩm chất                                          |         | 131                   | 137         | 168         | 195         | 229         |
| 1   | Tốt (tỷ lệ so với tổng số)                         |         | 119 (90.8%)           | 137 (100%)  | 159 (94.6%) | 193 (99%)   | 227 (99.1%) |
| 2   | Đạt (tỷ lệ so với tổng số)                         |         | 12 (9.2%)             |             | 9 (5.4%)    | 2 (1%)      | 1 (3.4%)    |
| 3   | Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)                 |         |                       |             |             |             |             |
| IV  | Số học sinh chia theo kết quả học tập              |         | 131                   | 137         | 168         | 195         | 229         |
| 1   | Hoàn Thành tốt môn Toán (tỷ lệ so với tổng số)     |         | 98 (74.8%)            | 104 (75.9%) | 131 (78%)   | 129 (66.2%) | 202 (88.2%) |
| 2   | Hoàn Thành môn Toán (tỷ lệ so với tổng số)         |         | 23 (17.6%)            | 33 (24.1%)  | 36 (21.4%)  | 66 (33.8%)  | 27 (11.8%)  |
| 3   | Chưa hoàn Thành môn Toán                           |         | 10                    |             | 1           |             |             |

|          |                                                                    |  |                |                |                |                |                |
|----------|--------------------------------------------------------------------|--|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
|          | (tỷ lệ so với tổng số)                                             |  | (7.6%)         |                | (0.6%)         |                |                |
| 4        | Hoàn Thành tốt môn Tiếng Việt<br>(tỷ lệ so với tổng số)            |  | 94<br>(71.8%)  | 110<br>(80.3%) | 124<br>(73.8%) | 137<br>(70.3%) | 198<br>(86.5%) |
| 5        | Hoàn Thành môn Tiếng Việt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                |  | 27<br>(20.6%)  | 27<br>(19.7%)  | 44<br>(26.2%)  | 58<br>(29.7%)  | 31<br>(13.5%)  |
| 6        | Chưa hoàn Thành môn Tiếng Việt<br>(tỷ lệ so với tổng số)           |  | 10<br>(7.6%)   |                |                |                |                |
| <b>V</b> | <b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>                                   |  | <b>131</b>     | <b>137</b>     | <b>168</b>     | <b>195</b>     | <b>229</b>     |
| 1        | Lên lớp<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                  |  | 118<br>(90.1%) | 137<br>(100%)  | 167<br>(99.4%) | 195<br>(100%)  | 229<br>(100%)  |
| 2        | Trong đó:<br>HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số) |  | 79<br>(60.3%)  | 87<br>(63.5%)  | 67<br>(39.9%)  | 133<br>(68.2%) | 153<br>(66.8%) |
| 3        | HS được cấp trên khen thưởng<br>(tỷ lệ so với tổng số)             |  |                |                | 1<br>(0.6%)    | 5<br>(2.6%)    | 22<br>(9.6%)   |



Thủ trưởng đơn vị

Phạm Ngọc Hiếu